

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

" *V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thao ;
2. Bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **225/2018/TLST- HN&GD** ngày 27 tháng **8** năm **2018** về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 28/2018/QĐXXST- HNGĐ**, ngày **11** tháng **10** năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **16/QĐST- HNGĐ** ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Đ , sinh năm 1977, có mặt.
Địa chỉ cư trú: Thôn HX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương.
- Bị đơn: Chị Ninh Thị H, sinh năm 1980, có mặt.
HKTT: Thôn HX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ cư trú: Thôn T K, xã T Tr, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đ và chị Ninh Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/3/2003. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không bảo ban, không biết nhường nhịn nhau, ai cũng cố chấp nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Tình trạng này kéo dài nhiều năm khiến cuộc sống chung luôn căng thẳng dồn nén tâm lý luôn ức chế, không có hạnh phúc; bản thân chị H cũng có nhiều bất đồng với gia đình nhà chồng vì tính cách không hòa hợp với mọi người. Chị luôn nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác khiến vợ chồng không tin tưởng nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả; bản thân anh và chị H cũng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm đến nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý, học tập của các con, ảnh hưởng đến mối quan hệ gia đình hai bên. Sau khi sinh con thứ 2 được vài tháng chị H cho con về bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ khoảng 2 năm nay. Anh và chị H không quan tâm lẫn nhau, nay xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh Đ xin ly hôn chị Ninh Thị H.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/2003 và Nguyễn Quỳnh V, sinh ngày 07/11/2016. Hiện hai con đang do chị H nuôi dưỡng, anh nhất trí để chị H nuôi hai con cho đến khi thành niên, anh tự nguyện cấp dưỡng theo tháng cho chị H để nuôi con Quỳnh V số tiền 2.000.000đ/tháng.

- *Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn (chị Ninh Thị H) trình bày:

- *Điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng như anh Đ trình bày là đúng.* Trước đây vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên bất đồng quan điểm. Anh Đ thường kiếm cớ gây sự, cãi vã với chị khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Anh Đ có biểu hiện không chung thủy, hay nhắn tin gọi điện cho người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh Đ đi làm nhưng chỉ đưa cho chị ít tiền để chi tiêu, một mình chị phải vất vả lo cuộc sống gia đình. Sau khi sinh con thứ 2 được 7 tháng chị đã cho con về nhà ngoại ở Tân Trường sinh sống vì phải nhờ gia đình hỗ trợ để trông nom đưa đón con nhỏ đi học, hàng tuần chị mới cho con về nhà nội vào các ngày thứ 7 và chủ nhật nên từ đó tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt dần. Cách đây khoảng 3 tháng cháu lớn chuyển về sinh sống cùng chị tại quê bố mẹ đẻ chị, từ đó anh Đ không hỏi han quan tâm đến các con, chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà mong muốn anh Đ nghĩ đến vợ, con tự thay đổi bản thân. Vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên chị không nhất trí ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/2003 và Nguyễn Quỳnh V, sinh ngày 07/11/2016. Trường hợp anh Đ kiên quyết xin ly hôn thì chị xin được nuôi cả hai con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho con Nguyễn Quỳnh V là 3.000.000đ/tháng.

Con chung là Nguyễn Thị D có nguyện vọng ở với mẹ.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn(anh Đ) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tự nguyện cấp dưỡng theo tháng để nuôi con chung Nguyễn Quỳnh V số tiền 2.000.000đ/ tháng.

Bị đơn (chị Hiên): Không nhất trí ly hôn, xin nuôi hai con và chấp nhận việc anh Đ cấp dưỡng cho con Nguyễn Quỳnh V số tiền 2.000.000đ/ tháng.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/2003 và Nguyễn Quỳnh V, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Ninh Thị H nuôi dưỡng đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng cho cháu V 2.000.000 đồng/tháng.

Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình Đ và chị Ninh Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã CD, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/3/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, anh Đ không quan tâm đến vợ con, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Con chung còn nhỏ chị H phải nhờ gia đình mẹ để trông nom giúp. Vợ chồng không sống cùng nhau từ khoảng tháng 5

năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Chị H không nhất trí ly hôn nhưng không về sống chung cùng chồng, không có biện pháp đề hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/2003 và Nguyễn Quỳnh V, sinh ngày 07/11/2016. Hiện hai con đang sinh sống cùng chị H tại quê bố mẹ đẻ chị Hiền, chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh Đ nhất trí. Hiện cháu D đang học tại trường gần gia đình ngoại, cháu V từ nhỏ đến nay sống cùng ông bà ngoại, các con đang sinh sống và học tập ổn định tại quê bố mẹ đẻ chị H, bố mẹ đẻ chị H có điều kiện giúp chị H trông nom, đưa đón cháu nhỏ đi học khi chị đi làm. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nhằm ổn định, tránh xáo trộn. HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của đương sự giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi hai con. Đồng thời cần chấp nhận việc chị H, anh Đ thỏa thuận, anh Đ cấp dưỡng theo tháng cho cháu V số tiền 2.000.000đ/tháng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm HNGĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình Đ ly hôn với chị Ninh Thị H.

2. Về nuôi con: Giao hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/2003 và Nguyễn Quỳnh V, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Ninh Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đình Đ cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/ tháng để nuôi con chung là Nguyễn Quỳnh V kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung Nguyễn Quỳnh V thành niên (đủ 18 tuổi). Cấp dưỡng theo tháng.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số **AA/2017/0002244** ngày **27/8/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đ còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA